

Phụ lục 2

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI PHÂN CẤP CHO UBND CẤP HUYỆN QUẢN LÝ

Giao Tổ chức thủy lợi cơ sở và các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực khai thác theo quy định của pháp luật

*(kèm theo Quyết định số **09** / 2022/QĐ-UBND ngày **28** tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
I	Huyện Buôn Đôn			228.47	1.2	11.09					
1	Hồ Thác Mua	Xã Ea Bar	Hồ chứa	64.79			207	12.50		X	
2	Đập Cơ Khí	Xã Ea Bar	Đập dâng	19				3.50			X
3	Đập Ea Bar III	Xã Ea Bar	Đập dâng	31				2.50			X
4	Hồ Hoà Phú	Xã Ea Nuol	Hồ chứa	4.89		9.29	26	4.50			X
5	Đập dâng Ea Tul	Xã Ea Wer	Đập dâng	88.79	1.20	1.80		3.70			X
6	Đập Suối Tre	Xã Ea Wer	Đập dâng	20				3.50			X
II	Thị xã Buôn Hồ			9,510.68	24,320.17						
1	Đập Suối nước trong	P. An Bình	Đập dâng		65.78			1.30			X
2	Hồ Chí An	P. An Bình	Hồ chứa		95.95		80	6.00			X
3	Hồ Cung Kiệm	P. An Bình	Hồ chứa		98.93		120	10.00		X	
4	Hồ Liên Kết	P. An Lạc	Hồ chứa		85.75		115	10.00		X	
5	Hồ Ông Diễn	P. An Lạc	Hồ chứa		87.57		56	13.60		X	
6	Hồ Ea Hrák	P. An Lạc	Hồ chứa		106.68		160	7.20			X
7	Hồ Ba Ban	P. Bình Tân	Hồ chứa	10.16	50.00		60	1.50			X
8	Hồ Ea Đê	P. Đạt Hiếu	Hồ chứa		50.00		193	11.30		X	
9	Hồ Hồ Đá	P. Đạt Hiếu	Hồ chứa		52.30		136	8.70			X
10	Hồ 12/3	P. Đoàn Kết	Hồ chứa		50.60		70	8.00		X	
11	Hồ Ân Mỹ	P. Đoàn Kết	Hồ chứa		66.45			1.50			X
12	Hồ Tân Hà	P. Thống Nhất	Hồ chứa		151.71		411	11.00		X	
13	Hồ Buôn Lung	P. Thống Nhất	Hồ chứa	12.04	39.66		60	6.00			X
14	Hồ Lầy Long	P. Thống Nhất	Hồ chứa		62.65		98	5.50			X
15	Hồ Thuận Phát	P. Thống Nhất	Hồ chứa		68.41		118	7.00			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
16	Hồ Lầy Bình	P.Thống Nhất	Hồ chứa		40.63		51	5.80			X
17	Hồ Cây Sấu	Xã Bình Thuận	Hồ chứa	11.41	44.59		225	8.50			X
18	Hồ A90 Thượng	Xã Bình Thuận	Hồ chứa		43.51		45	7.50			X
19	Hồ A90 Hạ	Xã Bình Thuận	Hồ chứa	7.91	41.99		265	8.00			X
20	Hồ Ea Buor	Xã Cư Bao	Hồ chứa	6.87	70.40		296	11.50		X	
21	Hồ Sơn Lộc	Xã Cư Bao	Hồ chứa	9.45	11.78		45	3.50			X
22	Hồ Ea Nao Đa	Xã Cư Bao	Hồ chứa	13.30	89.32		436	8.40			X
23	Hồ Tong Mja	Xã Ea Blang	Hồ chứa	4.56	104.77		220	11.40			X
24	Hồ Dung Kbiêng	Xã Ea Blang	Hồ chứa		30.95		40	6.00			X
III	Thành phố Buôn Ma Thuột			185	987	0					
1	Hồ Chư Dluê	P. Khánh Xuân	Hồ chứa	20	30		278	10.00		X	
2	Hồ Thống Nhất	P. Khánh Xuân	Hồ chứa		50		279	4.60			X
3	Hồ Ea Nao II	P. Tân An	Hồ chứa		52		75	8.00			X
4	Hồ Ea Bur	Phường Ea Tam	Hồ chứa	18			45				X
5	Đập Alê B	Phường Ea Tam	Đập dâng	32	100			2.50			X
6	Đập Tô dân phố 9	Phường Ea Tam	Đập dâng	10	110			2.60			X
7	Hồ Trúc	Phường Ea Tam	Hồ chứa		25		75	5.00			X
8	Hồ Ea Kô	Xã Cư Ê Bur	Hồ chứa				51	8.74			X
9	Hồ Buôn Dung	Xã Cư Ê Bur	Hồ chứa				34	7.20			X
10	Hồ 201	Xã Cư Ê Bur	Hồ chứa				300	8.00			X
11	Hồ Buôn Bông	Xã Ea Kao	Hồ chứa	15	65		417	10.50			X
12	Hồ 19/5	Xã Ea Kao	Hồ chứa	20	20		38				X
13	Hồ Cao Thắng	Xã Ea Kao	Hồ chứa		20		40	4.20			X
14	Hồ Kô Tam	Xã Ea Tu	Hồ chứa	20	40		230	11.50		X	
15	Hồ Ông Và	Xã Ea Tu	Hồ chứa	8	30		16	4.00			X
16	Hồ Ea Nao I	Xã Ea Tu	Hồ chứa	17	145		14	6.00			X
17	Hồ Ea Nao III	Xã Ea Tu	Hồ chứa		60		155	7.00			X
18	Đập Suối đá	Xã Hòa Khánh	Đập dâng	20	100						X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
19	Hồ Ba Vòi	Xã Hòa Khánh	Hồ chứa	5	40		100	7.50			X
20	Hồ Ông Hòa	Xã Hòa Khánh	Hồ chứa				80	6.00			X
21	Đập Tháng 10	Xã Hòa phú	Đập dâng		100			2.80			X
22	Hồ Ea Khan	Xã Hòa Thắng	Hồ chứa				44	7.70			X
IV	Huyện Cư Kuin			493	1,119	-					
1	Hồ Tắc Ngà	Xã Cư Ê Wi	Hồ chứa	70	50		304	6.80			X
2	Đập dâng Thôn 3	Xã Cư Ê Wi	Đập dâng	15	-		32	1.50			X
3	Đập dâng Thôn 4	Xã Cư Ê Wi	Đập dâng	10	-		46	2.00			X
4	Đập dâng Thôn 2	Xã Cư Ê Wi	Đập dâng	10	-		59	2.40			X
5	Đập dâng thôn 5	Xã Cư Ê Wi	Đập dâng	10	-		450	9.00			X
6	Đập Hra Hning	Xã Dray Bhang	Đập dâng	5	20		300	5.60			X
7	Trạm bơm buôn Kô Êmông A	Xã Ea Bhók	Trạm bơm	15	10						X
8	Đập dâng 18	Xã Ea Hu	Đập dâng	15	30		21	1.80			X
9	Đập dâng đội 6 thôn 4	Xã Ea Hu	Đập dâng	10	-		36	2.80			X
10	Đập dâng đồng Đồi dầu, thôn 2	Xã Ea Hu	Đập dâng	10			42	2.00			X
11	Đập dâng ngã 3, cánh đồng 24	Xã Ea Hu	Đập dâng	5	30		28	2.30			X
12	Đập dâng thôn 7 (Téch Lúk)	Xã Ea Hu	Đập dâng	15	30		52	2.50			X
13	Đập dâng Thôn 6	Xã Ea Hu	Đập dâng	65	-		27	2.20			X
14	Hồ Ea Hu	Xã Ea Hu	Hồ chứa	10	20		500	4.00		X	
15	Đập dâng Thái Bình	Xã Ea Hu	Đập dâng	20	30		7	3.00			X
16	Đập dâng Cầu Voi	Xã Ea Hu	Đập dâng	10	20		25	3.00			X
17	Hồ thôn 15 (Hồ đội 37A-Đội 9)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa		120		110	7.00			X
18	Hồ Ea Sim 2	Xã Ea Ktur	Hồ chứa		160		180	8.00			X
19	Hồ Đội 3	Xã Ea Ktur	Hồ chứa		165		105	7.00			X
20	Đập dâng buôn Knir	Xã Ea Tiêu	Đập dâng	8	20		56	1.60			X
21	Hồ Ea Pul	Xã Ea Tiêu	Hồ chứa	37	37		75	4.50			X
22	Hồ Ea Tiêu 1	Xã Ea Tiêu	Hồ chứa	5	120		98	3.00			X
23	Hồ Ea Tiêu 2	Xã Ea Tiêu	Hồ chứa	3	150		71	4.00			X
24	Hồ Ea Ung	Xã Ea Tiêu	Hồ chứa	-	34		30	2.50			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ (10 ³ m ³)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
25	Hồ Buôn Gà	Xã Ea Tiêu	Hồ chứa	5	3		150	7.20			X
26	Hồ Puk Prong	Xã EaNing	Hồ chứa	20	50		310	8.70			X
27	Đập Trần Sĩ	Xã Hòa Hiệp	Đập dâng	120	20		64	3.00			X
28	Hồ Đội 40	Xã EaNing	Hồ chứa	96	72		600	6		X	
29	Hồ Đội 42	Xã EaNing	Hồ chứa		102		226	7.3			X
30	Hồ Đội 43	Xã EaNing	Hồ chứa		180		673	8.5		X	
31	Hồ Đội 45	Xã Cư Êwi	Hồ chứa	45	100		269	10			X
32	Hồ Đội 56	Xã EaNing	Hồ chứa		120		383	10		X	
33	Hồ Đội 26	Xã EaNing	Hồ chứa		20		80	5			X
34	Hồ Đội 41	Xã EaNing	Hồ chứa		40		120	5			X
35	Hồ Đội 1 (Chế biến)	Xã Ea Bhóc	Hồ chứa		139		600	5		X	
36	Đập Ea Puor (Đội 10)	Xã Ea Bhóc	Đập dâng		108		314	5			X
37	Hồ đội 5 (Hồ số 5A)	Xã EaNing	Hồ chứa		50		135	4			X
38	Hồ đội 5 (Hồ số 5B)	Xã EaNing	Hồ chứa		50		130	4			X
39	Hồ đội 5 (Hồ số 5C)	Xã EaNing	Hồ chứa		190		710	6		X	
V	Huyện Cư M'gar			140.00	127.00	0.00					
1	Đập dâng Đầm cao	Xã Cư M'gar	Đập dâng	16.00							X
2	Đập Ea Nung 1	Xã Cư M'gar	Đập dâng	30.00	20.00			2.50			X
3	Đập Buôn Huk	Xã Cư M'gar	Đập dâng	20.00				1.80			X
4	Đập dâng Đầm Bò	Xã Cư M'gar	Đập dâng	13.00				1.70			X
5	Đập dâng Cuôr Kbon	Xã Cư M'gar	Đập dâng	40.00				1.80			X
6	Hồ Ea Nung 2	Xã Cư M'gar	Hồ chứa	14.00	37.00		100	7.50			X
7	Hồ Buôn Tah 1	Xã Ea Drong	Hồ chứa	7.00	70.00		249	11.70		X	
VI	Huyện Ea H'Leo			2.00	120.00	120.00					
1	Hồ thủy điện Ea Drăng	TT Ea Drăng	Hồ chứa				330	13.00		X	
2	Hồ Ea Ral 1	Xã Ea Ral	Hồ chứa	2.00	120.00	120.00	110	7.00			X
VII	Huyện Ea Kar			553.00	304.40	65.00					
1	Hồ Ea Kar thượng	TT Ea Kar	hồ chứa	99	8		280	6.90			X
2	Hồ Ea Kduol	TT Ea Kar	hồ chứa	25	9		270	7.00			X
3	Hồ Đội 1	TT Ea Knốp	hồ chứa	12	10		29	2.20			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ (10 ³ m ³)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
4	Hồ đội 4A	TT Ea Knốp	hồ chứa	5	45		200	6.00			X
5	Hồ khối 5	TT Ea Knốp	hồ chứa		10.4		66	3.00			X
6	Hồ Ea Bớt	xã Cư Bông	hồ chứa	26	1		268	14.20		X	
7	Hồ Ea Thu	xã Cư Bông	hồ chứa	67	20	3	176	7.90			X
8	Hồ Ea Ô thượng	xã Cư Ni	hồ chứa	18	25	19	163	6.60			X
9	Hồ Thôn 16	Xã Cư Prông	hồ chứa	26	6		247	8.70			X
10	Hồ Buôn M'um	Xã Cư Prông	hồ chứa	20			200	6.00			X
11	Đập dâng thôn 15	Xã Cư Prông	hồ chứa	20				2.00			X
12	Hồ Ea Ngao	xã Cư Yang	hồ chứa	32			493	8.50			X
13	Hồ Thôn 11+13	xã Cư Yang	hồ chứa	17			150	5.00			X
14	Hồ Ea Dui	xã Cư Yang	hồ chứa	42	5		126	5.00			X
15	Hồ Ea Taul	xã Ea Đar	hồ chứa	25	29		85	7.70			X
16	Trạm bơm Điện biên	xã Ea Kmút	Trạm bơm	65							X
17	Hồ đội 5	xã Ea Păl	hồ chứa	15	30	5	990	8.00		X	
18	Hồ Ea Tih	xã Ea Tih	hồ chứa	21	5		120	7.00			X
19	Hồ đội 4	xã Xuân phú	hồ chứa	2	16		76	5.00			X
20	Hồ Trung hòa	xã Xuân phú	hồ chứa	5	50	20	200	7.00			X
21	Hồ Ea Tao	xã Xuân phú	hồ chứa	8	30	18	120	7.00			X
22	Hồ Thôn 7	xã Xuân phú	hồ chứa	3	5		90	8.40			X
VIII Huyện Krông Ana				857.97	667.60	9.50					
1	Hồ Sen	TT Buôn Trấp	Hồ chứa	224.80	8.54		800	8.50		X	
2	Đập dâng C7	TT Buôn Trấp	Đập dâng	25.48				1.80			X
3	Hồ Sâm lằng	Xã Băng Adrênh	Hồ chứa	31.60	219.13		135	5.00			X
4	Hồ Suối Muối	Xã Bình Hòa	Hồ chứa	22.00	30.00		196	7.00			X
5	Hồ Ea Tơur	Xã Dray Sáp	Hồ chứa				48	4.00			X
6	Hồ Sơn Thọ	Xã Dur Kmăl	Hồ chứa	48.87	127.14		164	5.70			X
7	Hồ Buôn Xá	Xã Ea Bông	Hồ chứa	149.74	19.00		355	4.50			X
8	Hồ C12	Xã Ea Bông	Hồ chứa	30.00	20.00	9.50	54	6.10			X
9	Hồ C10	Xã Ea Bông	Hồ chứa	130.14	12.70		106	6.00			X
10	Hồ Ea Knang	Xã Ea Bông	Hồ chứa	69.80	8.50		377	5.00			X
11	Hồ Kruế	Xã Ea Bông	Hồ chứa	41.20	10.40		50	4.00			X
12	Hồ Ea Buôr	Xã Ea Na	Hồ chứa	3.08	41.13		167	7.00			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
13	Hồ EaLen	Xã Ea Na	Hồ chứa	24.87	29.45		72	7.00			X
14	Hồ Đội 2 - NT2	Xã Ea Na	Hồ chứa	0.00	29.96		200	10.60		X	
15	Hồ Suối Tiên	Xã Ea Na	Hồ chứa	15.98	27.09		100	3.00			X
16	TB buôn Tơ Lơ	Xã Ea Na	Trạm bơm	36.11	37.56						X
17	Hồ Khu A	Xã Quảng Điền	Hồ chứa	4.30	47.00		147	7.00			X
18	Đê bao Quảng Điền (xã Quảng Điền, Bình Hòa, Dur Kmăl, TT Buôn Trấp).		Đê bao							X	
IX	Huyện Krông Bông			814	99	0					
1	Đập dâng Ea Mhắt	Xã Yang Mao	Đập dâng	22	5			1.60			X
2	Đập dâng Ea Tông	Xã Yang Mao	Đập dâng	16	0			3.20			X
3	Đập dâng Ea Khar	Xã Yang Mao	Đập dâng	33	23			1.20			X
4	Đập Plum	Xã Ea Trul	Đập dâng	62				2.50			X
5	Đập Băng Kung	Xã Ea Trul	Đập dâng	52				2.30			X
6	Đập Cư Mĩl	Xã Ea Trul	Đập dâng	60				2.30			X
7	Đập dâng Trook Āk	Xã Yang Reh	Đập dâng	10				2.50			X
8	Hồ Ea Preng (Buôn Phung)	Xã Cư Pui	Hồ chứa	13				11.80		X	
9	Trạm bơm cánh đồng Quyết Tâm	Xã Hòa Tân	Trạm bơm	60							X
10	Đập dâng Cư Jhắt	Xã Cư Drăm	Đập dâng	22				2.90			X
11	Đập dâng Trấp Lei	Xã Cư Drăm	Đập dâng	70	14			3.00			X
12	Đập dâng Ea Plây	Xã Cư Pui	Đập dâng	37				3.20			X
13	Đập dâng Đông Duy Lễ	Xã Hòa Lễ	Đập dâng	45				3.00			X
14	Đập dâng Sơn Phong	Xã Hòa Phong	Đập dâng	51				2.60			X
15	Đập dâng Chí Phèng	Xã Hòa Phong	Đập dâng	48				2.70			X
16	Đập dâng Ea Druôih	Xã Hòa Phong	Đập dâng	34				2.60			X
17	Hồ Thôn 2	Xã Ea Trul	Hồ chứa	20			167	7.00			X
18	Hồ Ea Hmun	Xã Cư Pui	Hồ chứa	23	26		169	10.00		X	

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ (10 ³ m ³)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
19	Hồ Buôn Khóa	Xã Cư Pui	Hồ chứa	24			186	11.00		X	
20	Trạm bơm điện Bàu Lác	Xã Cư Kty	Trạm bơm	112	31						X
X	Huyện Krông Búk			30.00	1,422.05	0.00					
1	Hồ Ea Kung	Cư Né	Hồ Chứa		99.24		179	10.30		X	
2	Hồ Buôn Mùi II	Cư Né	Hồ Chứa		67.03		211	8.10			X
3	Hồ Buôn Drô (Buôn Kdrô)	Cư Né	Hồ Chứa		123.24		92	7.00			X
4	Hồ Cư Né 3 (Đập 3)	Cư Né	Hồ Chứa		79.12		343	11.40		X	
5	Hồ Ea Gin	Cư Né	Hồ Chứa		230.31		190	7.30			X
6	Hồ Ea Dung Tiêng	Cư Pong	Hồ Chứa		50.65		142	8.50			X
7	Hồ Krông Ana	Cư Pong	Hồ Chứa		168.10		353	11.10		X	
8	Hồ Ea Liăng	Cư Pong	Hồ Chứa		33.73		24	7.00			X
9	Hồ Ea Kah	Cư Pong	Hồ Chứa		45.88		90	9.40			X
10	Hồ Ea Mur	Cư Pong	Hồ Chứa		29.55		115	9.60			X
11	Đập dâng Ea Klók 3	Cư Pong	Đập dâng								X
12	Hồ Thôn 1	Ea Ngai	Hồ Chứa		84.18		114	9.10			X
13	Hồ Đạt Hiếu	Ea Ngai	Hồ Chứa		80.30		174	9.30			X
14	Hồ Ea Kang	Pong Drang	Hồ Chứa		163.19		242	10.50		X	
15	Hồ Vườn Uom	Pong Drang	Hồ Chứa	30	141.80		252	9.00			X
16	Hồ Ea Nur	Pong Drang	Hồ Chứa		25.73		10	10.00		X	
17	Hồ Ea Krắc	Tân Lập	Hồ chứa	96	72.00		440.00	12.50		X	
18	Hồ Ea Mút	Tân Lập	Hồ chứa		150.00		244.00	12.00		X	
19	Hồ Ea Puốc	Tân Lập	Hồ chứa		50.00		200.00	10.00		x	
XI	Huyện Krông Năng			705.46	4,074.19	89.20					
1	Hồ Ea Kmâm 1	TT Krông Năng	Hồ chứa	44.00	72.00		105	7.00			X
2	Hồ Thanh Niên	TT Krông Năng	Hồ chứa		20.00		40	5.10			X
3	Đập dâng Ea Pir hạ	Xã Cư Klông	Đập dâng	3.60	26.40			3.10			X
4	Hồ Tam Khánh	Xã Cư Klông	Hồ chứa	7.20	63.20		193	11.30		X	
5	Hồ Ea Blong hạ	Xã Dliê Ya	Hồ chứa	16.96	54.33		115	7.00			X
6	Hồ Ea Blong Thượng	Xã Dliê Ya	Hồ chứa	0.58	25.90		230	7.00			X
7	Hồ Ea Pan	Xã Dliê Ya	Hồ chứa	12.66	165.29		340	8.00			X
8	Hồ Ea Tía (Ea Toa)	Xã Dliê Ya	Hồ chứa	30.60	116.45	1.82	118	8.20			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
9	Hồ Sinh Kè	Xã Dliê Ya	Hồ chứa		164.57		261	9.00			X
10	Hồ.Ea Kné	Xã Dliê Ya	Hồ chứa	0.00	84.69		279	11.00		X	
11	Hồ.Ea Ruế	Xã Dliê Ya	Hồ chứa	0.98	96.20		44	9.30			X
12	Hồ Ea Muôn I	Xã Dliê Ya	Hồ chứa		30.00		46	7.00			X
13	Hồ Ea Muôn II	Xã Dliê Ya	Hồ chứa		335.00		180	9.50			X
14	Hồ Ea Mlê	Xã Dliê Ya	Hồ chứa		150.00		230	10.00			X
15	Hồ Ea Tók	Xã Ea Đăh	Hồ chứa	6.78	113.64	9.9	33	7.20			X
16	Hồ Giang Xuân	Xã Ea Đăh	Hồ chứa	18.92	102.12		314	7.70			X
17	Hồ Buôn Giêr	Xã Ea Hồ	Hồ chứa	156.42	142.69		217	11.80		X	
18	Hồ Ea Quanh	Xã Ea Hồ	Hồ chứa	86.52	99.70		276	10.70		X	
19	Hồ Ea Khuôn	Xã Ea Hồ	Hồ chứa	0.00	127.59		1,276	10.50		X	
20	Hồ Ea Mút	Xã Ea Hồ	Hồ chứa	0.00	44.93		449	8.40			X
21	Hồ Cây Đa	Xã Ea Puk	Hồ chứa		76.04		221	10.60		X	
22	Hồ Ea Buih	Xã Ea Puk	Hồ chứa		65.76		100	7.70			X
23	Hồ Ea Dril II	Xã Ea Puk	Hồ chứa	4.34	122.84		386	9.20			X
24	Đập dâng Tam Lực	Xã Ea Tam	Đập dâng	45.22	37.66			1.70			X
25	Hồ Tam Điền	Xã Ea Tam	Hồ chứa	4.38	74.41		138	11.40		X	
26	Hồ số 5 (An Thuận)	Xã Ea Tân	Hồ chứa		256.79		186	10.50		X	
27	Hồ Ea Dìng (Ea Châm)	Xã Ea Tân	Hồ chứa		91.82		285	9.80			X
28	Hồ 86	Xã Phú Lộc	Hồ chứa		120.00		27	8.00			X
29	Hồ Thanh Niên	Xã Phú Lộc	Hồ chứa	65.64	190.00		195	7.70			X
30	Hồ Lộc Yên	Xã Phú Lộc	Hồ chứa		55.00		550	6.00			X
31	Hồ Lộc Xuân	Xã Phú Lộc	Hồ chứa		130.00		45	6.00			X
32	Hồ Buôn Thu	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	4.40	37.98	2.60	388	9.10			X
33	Hồ C3	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	3.88	14.85		125	5.60			X
34	Hồ C6	Xã Phú Xuân	Hồ chứa		52.55		47	7.00			X
35	Hồ C9 (Đội 9, Phú Xuân 2)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	0.08	49.62	0.36	70	5.00			X
36	Hồ Đội 14	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	28.42	37.40		152	7.00			X
37	Hồ Ea Bru 1	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	1.24	11.91	4.36	125	5.70			X
38	Hồ Ea Bru 2	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	10.40	53.40		174	7.50			X
39	Hồ Ea Drông 2 (C16)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	0.00	111.36		323	9.00			X
40	Hồ Ea Kar (Đội 1)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	0.00	35.10		185	6.00			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
41	Hồ Ea Kmiên 1	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	2.74	23.74		122	8.00			X
42	Hồ Ea Kmiên 2	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	0.10	30.38	4.7	158	9.20			X
43	Hồ Ea Kmiên 3	Xã Phú Xuân	Hồ chứa		15.90	24.2	160	7.50			X
44	Hồ Ea Kung 1	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	4.48	67.96		205	7.00			X
45	Hồ Ea Kung 2	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	5.90	34.67		356	7.00			X
46	Hồ Trùng Tre	Xã Phú Xuân	Hồ chứa		82.14		235	6.30			X
47	Hồ Buôn Kú	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	31.28	22.01		142	8.00			X
48	Hồ Ủy ban (HTX2)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa	4.68	1.55	9.1	65	12.00		X	
49	Hồ Ea Dăh 2	Xã Tam Giang	Hồ chứa	30.00	20.00		65	4.00			X
50	Hồ Ea Tìl	Xã Tam Giang	Hồ chứa	73.06	80.59	28.72	297	11.10		X	
51	Hồ Tam Giang 1	Xã Tam Giang	Hồ chứa		36.06	3.44	105	9.00			X
52	Đội 11	Xã Phú Xuân	Hồ chứa		45.00		177.00	5.00			X
53	Đội 18	Xã Phú Xuân	Hồ chứa		50.00		180.00	5.00			X
54	Đội 13 (Ea Kó)	Xã Phú Xuân	Hồ chứa		35.00		130.00	7.00			X
XII	Huyện Krông Pắc			407.80	555.40	0.00					
1	Hồ 31	TT. P/An	Hồ chứa	28.21	8.6		220	7.50			X
2	Hồ Tân An	TT. P/An	Hồ chứa	0			300	9.80			X
3	Hồ 3/2	TT. P/An	Hồ chứa		34.2		300	9.80			X
4	Hồ Sinh Tre	TT. P/An	Hồ chứa	5	14.5			6.00			X
5	Hồ Rừng Già	TT. P/An	Hồ chứa	1	11.59			5.00			X
6	Hồ Giếng Xối	TT. P/An	Hồ chứa	6	5.61			4.50			X
7	Đập dâng Xóm 6	X Ea Yông	Đập dâng	3.5				1.50			X
8	Hồ Buôn Cư Quai	X. Ea Kênh	Hồ chứa		25		421	8.50			X
9	Đập dâng Cầu 22	X. Ea Kênh	Đập dâng		10			3.40			X
10	Hồ Ea Kmur	X. Ea Kênh	Hồ chứa		16		30	5.30			X
11	Hồ Buôn Riêng A	X. Ea Knuêc	Hồ chứa	101.82	18.63		4	6.90			X
12	Hồ Buôn Kang	X. Ea Knuêc	Hồ chứa		9.55		250	8.00			X
13	Hồ Tổ Hoa	X. Ea Knuêc	Hồ chứa		26.2		86	6.00			X
14	Hồ Buôn Pu Huch	X. Ea Knuêc	Hồ chứa		34.7		991	9.60			X
15	Hồ Hàn Kỳ	X. Ea Knuêc	Hồ chứa		12		200	6.50			X
16	Đập dâng Ea Wi	X. Ea Yông	Đập dâng								X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
17	Đập dâng Buôn Ea Yông	X. Ea Yông	Đập dâng					2.80			X
18	Hồ Sinh 32	X. Ea Yông	Hồ chứa	6	7.5		411	5.50			X
19	Hồ Ông Thọ	X. Ea Yông	Hồ chứa		12		100	6.00			X
20	Hồ Buôn Jung I	X. Ea Yông	Hồ chứa	67	30.7		120	9.00			X
21	Hồ Buôn Jung II	X. Ea Yông	Hồ chứa		32.3		251	9.50			X
22	Hồ Suối Khi II (Ông Hồng)	X. Ea Yông	Hồ chứa		8.3		120	7.00			X
23	Hồ Suối Khi III	X. Ea Yông	Hồ chứa	0			130	8.00			X
24	Hồ Quận 10/2	X. Ea Yông	Hồ chứa	6.2	25		200	8.00			X
25	Hồ Phước Hà	X. Ea Yông	Hồ chứa		11		340	9.30			X
26	Hồ Giữa Buôn	X. Ea Yông	Hồ chứa		2.82			3.00			X
27	Hồ Bằng Dâu	X. Ea Yông	Hồ chứa	3	8.1		28	5.00			X
28	Hồ Ea Kênh	X. Ea Yông	Hồ chứa	8	9.6			5.00			X
29	Hồ Phước Thành	X. Ea Yông	Hồ chứa		7.5		230	10.00		X	
30	Hồ Quận 10/1	X. Ea Yông	Hồ chứa		8.5		239	11.00		X	
31	Hồ Phước An 3(Mỹ Cảnh)	X. Ea Yông	Hồ chứa	16.5	13.6						X
32	Hồ Chăn nuôi (Ông Đầy)	X. Ea Yông	Hồ chứa		20						X
33	Hồ Suối 2 (Ông Chương)	X. Ea Yông	Hồ chứa		11.2						X
34	Hồ Suối 2 (Ông Ngọ)	X. Ea Yông	Hồ chứa		9						X
35	Đập 2 suối Khi (Ông Khương)	X. Ea Yông	Hồ chứa		12						X
36	Hồ Phước An 1(ao cá B. Hồ))	X. Ea Yông	Hồ chứa		4.2						X
37	Buôn Yong A, A2	X. Ea Yông	Đập dâng	9.21	9			1.00			X
38	Buôn Gha Mah	X. Ea Yông	Đập dâng	0				1.50			X
39	Thôn Cao Bằng	X. Ea Yông	Đập dâng	5				1.50			X
40	Đập dâng Thôn 7	X. Hoà An	Đập dâng	0				1.20			X
41	Hồ Sinh Trầu	X. Hoà An	Hồ chứa	21.8	15.6		480	7.90			X
42	Hồ Ea Hiu	X. Hoà An	Hồ chứa	34.7	12.8		200	4.00			X
43	Hồ Thôn 6 B	X. Hoà An	Hồ chứa	12.7	18		210	5.00			X
44	Hồ Rẫy Ủi	X. Hoà An	Hồ chứa		11		21	3.50			X
45	Hồ Chăn nuôi	X. Hoà Đông	Hồ chứa								X
46	Hồ Ry be	X. Hoà Đông	Hồ chứa								X
47	Hồ 19/5 (đập 1)	X. Hoà Đông	Hồ chứa		21.4						X
48	Hồ Ea Oh	X. Krông Buk	Hồ chứa	55.16	7.7		276	7.00			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
49	Đập dâng Ea Hiu	Xã Ea Hiu	Đập dâng	10				1.50			X
50	Hồ Buôn Krai B	Xã Ea Kly	Hồ chứa	0							X
51	Hồ Thôn 5	Xã Vụ Bôn	Hồ chứa	7			124	5.00			X
52	Đê bao Thăng Lập	Xã Ea Kuăng	Đê bao								X
XIII	Huyện M'Drăk			411	1,093	0					
1	Hồ Ea Boa	Xã Ea Trang	Hồ chứa	5	0		98	10.00		X	
2	Hồ Ea Tung Xây	Xã Cư Mta	Hồ chứa	10	0		125	7.50			X
3	Hồ Ea KSung Thượng	Xã Cư Mta	Hồ chứa	15	0		56	6.00			X
4	Hồ Ea Má	Xã Cư Mta	Hồ chứa	20	0		200	7.50			X
5	Hồ Cư Króa 1	Xã Cư Króa	Hồ chứa	8	0		50	4.50			X
6	Hồ Cư Króa 2	Xã Cư Króa	Hồ chứa		0		200	8.00			X
7	Đập dâng buôn phao	Xã Cư Mta	Đập dâng	28	0						X
8	Đập dâng buôn leng	Xã Cư Mta	Đập dâng		0						X
9	Đập dâng khe tám	Xã Cư Mta	Đập dâng	5	0						X
10	Đập dâng Ea Pa	Xã Krông Jing	Đập dâng	20	0						X
11	Đập dâng Ea lai	Xã Ea Lai	Đập dâng	50	0						X
12	Đập dâng buôn Um	Xã Krông Jing	Đập dâng	10	0						X
13	Hồ Ea Mró	Xã Krông Jing	Hồ chứa	20	0		115	7.50			X
14	Hồ Ea Ktung	Xã Krông Jing	Hồ chứa	15	0		200	8.80			X
15	Hồ Ea Kô	Xã Ea Lai	Hồ chứa		55		550	9.00			X
16	Đập thời vụ thôn 2	Xã Ea Lai	Đập dâng								X
17	Hồ Đội 1	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		20		96	6.00			X
18	Hồ Đội 5 (Thôn 7)	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		20		25	7.00			X
19	Hồ Đội 5 (Cựu chiến binh)	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		15		150	4.00			X
20	Hồ Đội 5 (Khe cạ)	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		30		300	8.00			X
21	Hồ Đội 5 (Thôn 8)	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		30		300	4.00			X
22	Hồ thôn 6	Xã Ea Mlây	Hồ chứa	15	35		350	7.60			X

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
23	Hồ đội 2A	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		30		100	5.00			X
24	Hồ đội 2B	Xã Ea Mlây	Hồ chứa		50		224	11.00		X	
25	Đập dâng Hồ sen	TT M'Đrăk	Đập dâng								X
26	Đập dâng Krông Á 1	Xã Krông Á	Đập dâng	25				4.40			X
27	Hồ đội 16 (Hải)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	10	58		235	11.40		X	
28	Hồ Đội 14 (Dương)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		35		90	6.00			X
29	Hồ Đội 11 (Hồng)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		20		85	5.50			X
30	Hồ chứa Đội 1 (Điện)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		70		250	9.80			X
31	Hồ chứa Đội 9 (Thoà)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		40		130	11.40		X	
32	Hồ chứa đội 4	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	20	120		290	10.40		X	
33	Hồ chứa Đội 1 (Khánh)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		50		500	8.00			X
34	Hồ chứa Đội 14 (Ngàn)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		50		82	8.30			X
35	Hồ Đội 6	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		30		300	7.10			X
36	Hồ Đội 6 (Hào)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa		30		125	5.00			X
37	Hồ đội 3	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	30	70		300	8.80			X
38	Hồ đội 32 (725)	Xã Ea Riêng	Hồ chứa	30	82		370	10.10		X	
39	Hồ đội 14	Xã Ea Riêng	Hồ chứa								X
40	Hồ đội 5	Xã Ea Mđoan	Hồ chứa		23		43	11.00		X	
41	Hồ đội 6	Xã Ea Mđoan	Hồ chứa		15		90	10.00		X	
42	Hồ đội 9	Xã Ea Mđoan	Hồ chứa		100		400	7.00			X
43	Hồ đội 7	Xã Ea Mđoan	Hồ chứa		15						X
44	Đập dâng Thôn 7	Xã Cư San	Đập dâng	30							X
45	Đập dâng Buôn Hạp	Xã Ea Trang	Đập dâng	15							X
46	Đập dâng Ea Kha	Xã Ea Trang	Đập dâng	15							X
47	Đập dâng Thôn 7	Xã Cư Króa	Đập dâng	15							X
332									0	54	278

STT	Tên công trình	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình		Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^3 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ

Phụ lục 1

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI DO UBND TỈNH QUẢN LÝ

Giao cho Công ty TNHH MTV quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk khai thác theo quy định của pháp luật

*(kèm theo Quyết định số **09** / 2022/QĐ-UBND ngày **28** tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh)*

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình			Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ (10 ⁶ m ³)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
I	Huyện Buôn Đôn			916.35	89.37	25.88						
1	Ea Bar	Xã Ea Bar	Hồ chứa				0.50	8.00	400		x	
2	Jang Lành	Xã Krông Ana	Hồ chứa	9.10	2.90	4.70	0.45	9.55	883			x
3	Đắk Minh	Xã Krông Ana	Hồ chứa	96.21		4.25	8.72	20.00	196	x		
4	Đắk Huar	Xã Ea Huar	Hồ chứa				2.46	11.50	261		x	
5	Thiên Đường	Xã Tân Hòa	Hồ chứa	50.91	27.95	5.51	0.32	1.60	118			x
6	Nà Xước	Xã Ea Huar	Đập dâng	158.75				2.00	55			x
7	Cây Sung	Xã Cuôr Knia	Đập dâng	245.19	52.99	7.22		3.30	190			x
8	Ea Bar II	Xã Ea Bar	Đập dâng	5.10				2.30	63			x
9	Ea Né	Xã Ea Bar	Đập dâng	351.09	5.53	4.20		5.00	330			x
II	Thị xã Buôn Hồ			419.79	1,946.61	149.61						
1	Ea Drông	Xã Ea Drông	Hồ chứa	29.96	137.57		0.22	10.40	350		x	
2	Ea Mrông	Xã Ea Drông	Hồ chứa	19.72	41.81		0.15	13.80	230		x	
3	Ea Mých Thượng	Xã Ea Drông	Hồ chứa	45.50	104.41		0.14	11.20	278		x	
4	Ea Ngách	Xã Ea Drông	Hồ chứa	47.60	96.66		0.14	11.20	288		x	
5	Ea Tung	Xã Ea Drông	Hồ chứa	22.24	103.43		0.11	8.10	118			x
6	Ea Mých Hạ	Xã Ea Drông	Hồ chứa	6.33	70.41		0.12	10.80	238		x	
7	Ông Sung	Xã Bình Thuận	Hồ chứa	25.01	20.64		0.08	6.00	260			x
8	Ea Phê	Xã Bình Thuận	Hồ chứa	38.84	126.12	5.56	0.51	9.50	160			x
9	Hòa Bình	Xã Bình Thuận	Hồ chứa	40.46	72.13		0.12	12.00	160		x	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình			Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ ($10^6 m^3$)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
10	Thôn 8	Xã Bình Thuận	Hồ chứa		26.15		0.10	10.00	200		x	
11	Ea Mnut	Xã Cư Bao	Hồ chứa	0.46	34.96		0.16	13.00	88		x	
12	Ea Kram	Xã Cư Bao	Hồ chứa	58.92	82.87		0.60	13.50	344		x	
13	Hà Môn	P. Thống Nhất	Hồ chứa		108.31		0.39	8.70	167			x
14	Hợp Thành	P. Thống Nhất	Hồ chứa		114.91		0.51	9.10	211		x	
15	Hà Cò	P. Bình Tân	Hồ chứa	9.73	87.72		0.19	7.00	338			x
16	Nam Hồng 2	P. Bình Tân	Hồ chứa	15.29	70.71		0.28	6.30	117			x
17	Ea Blang	Xã Ea Siên	Hồ chứa	10.57	115.28	39.38	0.21	8.70	157			x
18	Ea Muych	Xã Ea Siên	Hồ chứa	15.06	116.61	104.67	0.42	13.70	270		x	
19	Giao Thủy	P. Đạt Hiếu	Hồ chứa		192.18		0.60	17.30	190	x		
20	Nam Hồng 1	P. Bình Tân	Hồ chứa	34.10	116.21		0.42	10.00	253		x	
21	Buôn Trinh	Xã Ea Blang	Đập dâng		107.52			2.10				x
III	TP. Buôn Ma Thuột			857.32	2,295.07	73.29						
1	Ea Chư Káp Thượng	Xã Hòa Thắng	Hồ chứa		5.52		1.19	13.50	300		x	
2	Ea Chu Káp	Xã Hòa Thắng	Hồ chứa	100.00	1,400.00		11.20	22.00	350	x		
3	Nam Sơn	Xã Cư Êbur	Hồ chứa		29.09		0.06	14.00	250		x	
4	Quê Hương	Xã Cư Êbur	Hồ chứa	36.68	4.66	0.60	0.0012	3.20	284			x
5	K'dun	Xã Cư Êbur	Hồ chứa	9.91	12.32	1.26	0.16	14.80	238		x	
6	Đạt Lý	Xã Hòa Thuận	Hồ chứa	7.72	304.15		0.93	14.60	188		x	
7	Giò Gà	P. Khánh Xuân	Hồ chứa	5.04	39.97	0.60	0.31	5.30				x
8	Ea Kao	Xã Ea Kao	Hồ chứa	465.11	258.24	59.94	17.76	17.00	2,560	x		
9	Khánh Xuân	P. Khánh Xuân	Đập dâng	90.40	168.46	2.75		2.50				x
10	Thọ Thành	Xã Hòa Xuân	Đập dâng	142.46	72.66	8.14		3.00				x
IV	Huyện Cư Kuin			624.18	488.60	2.67						
1	Buôn Pu Huê	Xã Ea Ktur	Hồ chứa	131.82	4.91		0.59	6.00	130		x	
2	Đội 9 (37B)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa		20.15		0.04	6.00	120			x

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình			Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ (10 ⁶ m ³)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
3	Ea Tlá 1	Xã Đrây Bhang	Hồ chứa	3.75	57.60		0.32	10.00	120		x	
4	Ea Mtá	Xã Ea Bhook	Hồ chứa	32.66	74.29		0.80	7.00	200		x	
5	Ea Bih	Xã Ea Bhook	Hồ chứa	93.10	12.91	0.57	1.36	9.10	200		x	
6	Thắng Lợi	Xã Ea Hu	Hồ chứa	92.20	29.61		0.72	4.00	170		x	
7	24 (Sen)	Xã Ea Hu	Hồ chứa	127.70	132.24		0.55	4.30	400		x	
8	Thôn 5	Xã Cư Êwi	Hồ chứa	36.01	7.04		0.51	7.30	480		x	
9	Sinh Tre	Xã Cư Êwi	Hồ chứa	46.58	143.06	1.10	0.41	8.00	245			x
10	Ea Tlá 2	Xã Hòa Hiệp	Hồ chứa	60.36	6.79	1.00	0.15	9.00	70			x
11	Cây dừa 1	Xã Hòa Hiệp	Đập dâng					2.50				x
12	Cây dừa 2	Xã Hòa Hiệp	Đập dâng					2.50				x
13	Đội 9 (37A)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa				0.11	8.00	180			x
14	Đội 8 (Ea Msen)	Xã Ea Ktur	Hồ chứa				1.59	16.50		x		
15	Ea Sim 1	Xã Ea Ktur	Hồ chứa				0.53	13.50	147		x	
16	Ai ven	Xã Hòa Hiệp	Đập dâng									x
V	Huyện Cư M'gar			910.08	4,079.35	17.75						
1	Buôn Win	Xã Ea Kuêh	Hồ chứa		277.37		1.15	14.80	300		x	
2	Buôn Thái	Xã Ea Kuêh	Hồ chứa		151.69		0.21	12.50	195		x	
3	Buôn Jun 1	Xã Ea Kuêh	Hồ chứa		145.69		0.045	8.00	88			x
4	Buôn Lang 1	Xã Ea Pok	Hồ chứa	82.36	32.35	1.23	0.53	6.00	645			x
5	Thôn 11	Xã Ea Kiết	Hồ chứa		129.96		0.23	13.37	184		x	
6	Thôn 9	Xã Ea Kiết	Hồ chứa		29.88		0.30	7.00	100			x
7	Buôn Ya Wăm	Xã Ea Kiết	Hồ chứa		131.82		1.20	9.00	147		x	
8	Ea Rêch	Xã Ea Mróh	Hồ chứa	61.01	109.45		0.45	17.60	149	x		
9	Ea Kdoh	Xã Ea Tar	Hồ chứa	8.66	119.46		0.41	11.90	160		x	
10	Đạt Hiếu	Xã Cư Diê Mnông	Hồ chứa		94.40		0.95	13.00	319		x	
11	Ea Nhuôi	Xã Cư Diê Mnông	Hồ chứa		45.58		0.34	13.85	150		x	

STT	Tên hồ chứa	Địa điểm	Loại công trình	Năng lực tưới thực tế (ha)			Thông số công trình			Phân loại		
				Lúa	Cà phê	Cây khác	Dung tích hồ (10 ⁶ m ³)	Chiều cao đập (m)	Chiều dài đập (m)	Lớn	Vừa	Nhỏ
12	Buôn Đinh	Xã Cư Diê Mnông	Hồ chứa		17.03		0.04	15.00	131	x		
13	Đrao I	Xã Cư Diê Mnông	Hồ chứa	11.47	113.34		2.20	15.00	330	x		
14	Ea Mdrang	Xã Ea Hding	Hồ chứa	49.15	75.45		0.42	11.10	298		x	
15	Ea Yuê	Xã Ea Tul	Hồ chứa		26.59		0.20	10.00	85		x	
16	Ea Tria	Xã Ea Tul	Hồ chứa		84.83		0.25	12.00	279		x	
17	Ea Ra 1	Xã Ea Tul	Hồ chứa		100.50		0.10	9.00	147			x
18	Ea Ra 2	Xã Ea Tul	Hồ chứa		80.25		0.07	6.00	70			x
19	Ea Nhuôl	Xã Ea Drong	Hồ chứa		67.41		0.34	13.85	150		x	
20	Ea Trum	Xã Cư Suê	Hồ chứa		20.88		0.30	9.00	150			x
21	Ea Kruê	Xã Ea Drong	Hồ chứa		32.46		0.04	11.00	82		x	
22	Ea Ring	Xã Cuôr Đăng	Hồ chứa	22.08	62.25		0.55	10.00	310		x	
23	Ea Mfang	Xã Cuôr Đăng	Hồ chứa	7.57	45.07		0.46	12.00	120		x	
24	Buôn Joong	Xã Ea Kpam	Hồ chứa	343.33	1,785.12	9.91	17.30	27.00	576	x		
25	Buôn Nhung	Xã Quảng Hiệp	Hồ chứa	31.03	62.73		0.21	8.20	334			x
26	Súp Mrur	Xã Cư Suê	Đập dâng	22.70	0.33			2.50				x
27	Ea Ding 2	Xã Cư M'gar	Đập dâng	39.32	30.47			1.70				x
28	Ea Ding 1	Xã Cư M'gar	Đập dâng	14.96	3.01			1.50				x
29	Phú Sơn	Xã Cư M'gar	Đập dâng	18.04				2.40				x
30	Buôn Pôk	TT Ea Pôk	Đập dâng					5.30				x
31	Ea Chua	TT Ea Pôk	Đập dâng	144.07	183.30	4.80		3.00				x
32	Ea M'roh	Xã Ea M'roh	Đập dâng	42.14				3.80				x
33	Quảng Phú	Xã Quảng Tiến	Đập dâng					5.00				x
34	Đông Xuân 1	Xã Quảng Tiến	Đập dâng	12.19	20.68	1.81		1.50				x
35	Ea M'nang	Xã Ea M'nang	Đập dâng					3.50				x
36	Hồ Đrao II	Xã Cư Diê Mnông	Hồ chứa		65.00		3.54	13.00	383	x		
VI	Huyện Ea H'Leo			153.96	3,709.28	60.78						